

Số: 154/2024/QĐST-HNGĐ

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 08 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ánh X, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Bình P – Luật sư Văn phòng luật sư Duy Phước, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: 128/34/35 T, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tô Thị Ánh X và ông Lê Văn B tự thỏa thuận như sau: Ông Ba có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Lê Vĩnh K, sinh ngày 05/9/2011 và Lê Ninh P, sinh ngày 05/9/2011 mỗi tháng, mỗi con là 3.000.000đ (ba triệu) đồng/tháng/con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2.2. Về chia tài sản sau khi ly hôn: Bà Tô Thị Ánh X và ông Lê Văn B tự thỏa thuận như sau:

- Ông B đồng ý giao cho bà X và bà X được quyền sở hữu số dư tiền gửi tiết kiệm số hiệu: 261000273347 số dư 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA20326719 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận chủ sở hữu Lê Văn B, đồng chủ sở hữu Tô Thị Ánh X.

Bà Tô Thị Ánh X được quyền thực hiện các thủ tục liên quan đến thẻ tiết kiệm số hiệu: 261000273347 số dư 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA20326719 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận chủ sở hữu Lê Văn B, đồng chủ sở hữu Tô Thị Ánh X.

- Bà X đồng ý giao cho ông B và ông B được quyền sở hữu số dư tiền gửi tiết kiệm số hiệu: 268000208129 số dư 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA09990907 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận chủ sở hữu Lê Văn B, đồng chủ sở hữu Tô Thị Ánh X.

Ông Lê Văn B được quyền thực hiện các thủ tục liên quan đến thẻ tiết kiệm số hiệu: 268000208129 số dư 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA09990907 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận chủ sở hữu Lê Văn B, đồng chủ sở hữu Tô Thị Ánh X.

2.3. Về án phí:

Ông Lê Văn B phải chịu 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Bà Tô Thị Ánh X phải chịu 10.600.000đ (mười triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ cho bà X vào số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) bà X đã đóng tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai thu số 0002892 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả lại cho bà Xuân số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) đã đóng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diệu